TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐP** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen
Ông Tạ Văn Nhật

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội *tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 2, xã TM, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Đàm Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 2, xã TM, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Chị và anh Đàm Văn L tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã TM, huyện ĐP vào ngày 28/02/2014. Trước khi kết hôn, anh chị có tìm hiểu nhau khoảng một năm. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố, mẹ anh L ở thôn 2, xã TM. Anh chị sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, ban đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhưng càng về sau thì mâu thuẫn càng lớn, càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng cùng sinh sống trong gia đình anh L là gia đình có nhiều thế hệ. Trong mối quan hệ chung với đại gia đình thì chị và bố mẹ chồng không hợp. Anh L luôn

không bênh vực chị, lúc nào cũng nói chị phải nhún nhường, nhẫn nhịn. Chị muốn vợ chồng ra ở riêng nhưng anh L không đồng ý. Trong mối quan hệ riêng giữa vợ chồng chị với nhau thì bản thân anh L không đóng góp cùng với chị xây dựng kinh tế chung. Chị đã cố gắng vun vén, tích cóp để mua xe ôtô cho anh L lái taxi để vợ chồng có thêm thu nhập nhưng anh L cũng không tập trung làm ăn. Đến đầu năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng do anh L không đi lái taxi nữa mà bỏ vào Miền Nam làm ăn. Chị không đồng ý nhưng anh L vẫn đi, thỉnh thoảng mới về nên vợ chồng càng thêm xa cách nhau. Anh L đi vắng nên mối quan hệ giữa chị với gia đình chồng càng trở lên không tốt. Chị đã chia sẻ lo lắng của chị với anh L và bày tỏ mong muốn cần có anh L ở bên cạnh nhưng anh L luôn im lặng. Vì vậy, từ tháng 5 năm 2022 chị chuyển về sinh sống cùng với bà nội của chị ở thôn 1, xã TM. Vợ chồng chị chính thức sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị và anh L có vài lần nói chuyện với nhau nhưng đều không đi đến thống nhất. Chị cho rằng nếu anh L có mong muốn hàn gắn tình cảm với chị thì sẽ tìm cách để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như gia đình nhà chồng nhưng bản thân anh L không có ý định gì và cứ để mặc như vậy. Vì vậy, chị cũng không mong muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng như vậy nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Đàm Trung H, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Đàm Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22/4/2020. Hiện nay cháu Linh Đ đang ở với chị, còn cháu H thì đang ở cùng ông bà nội và anh L. Khi ly hôn, chị đề nghị giải quyết cho chị được nuôi cháu Đan còn anh L nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản, nợ chung, công sức với gia đình anh L: Chị Tr không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của bị đơn là anh Đàm Văn L trình bày: Anh thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống giữa anh và chị Tr đúng như chị Tr đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống cùng với ông, bà, bố, mẹ anh tại nhà anh ở thôn 2, xã TM. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn giữa chị Tr và bố, mẹ anh còn bản thân anh và chị Tr không có mâu thuẫn gì. Hiện nay, anh đang đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, mỗi tháng anh đều sắp xếp thời gian để về nhà và có gửi tiền về cho chị Tr nuôi con. Từ khi anh đi làm xa, chị Tr cũng chuyển về sinh sống cùng với bà nội của chị Tr ở thôn 1, xã TM. Nay chị Tr đề nghị ly hôn, anh không đồng ý vì các con còn nhỏ nhưng nếu chị Tr kiên quyết ly hôn và đồng ý để anh được nuôi 02 con thì anh đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Đàm Trung H, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Đàm Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22/4/2020. Khi ly hôn, anh L xin được nuôi 02 con và không đề nghị chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Tr trình bày khi biết chị gửi đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh L và chị có nhiều lần trao đổi với nhau về vấn đề của vợ chồng, đến nay anh L cũng đã có ý định đồng ý ra ngoài ở riêng cùng với chị như chị đã đề nghị trước kia, tuy nhiên anh L cũng chỉ nói đồng ý như vậy nhưng thực tế vẫn làm ăn ở trong Miền Nam, không quay về. Anh L cũng đã đón cháu Đàm Trung H về nhờ bố, mẹ anh L nuôi. Do đó, chị không muốn tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân với anh L nữa nên giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh L và xin được nuôi 01 con chung là cháu Đàm Ngọc Linh Đ, không yêu cầu anh L cấp dưỡng và không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Đàm Văn L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Tr ly hôn anh Đàm Văn L. Về con chung, giao chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Ngọc Linh Đ; anh Đàm Ngọc Lương trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Trung H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Đàm Văn L có địa chỉ tại thôn 2, xã TM, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đàm Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp

lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Tr và anh Đàm Văn L xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội vào ngày 28 tháng 02 năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Tr, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ cả mối quan hệ giữa chị với bố, mẹ anh L và cả mối quan hệ tình cảm của vợ chồng. Theo anh L thì mâu thuẫn chỉ phát sinh giữa chị Tr và gia đình anh còn giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì do đó anh L không đồng ý ly hôn. Anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị Tr phải đồng ý cho anh được quyền nuôi cả hai con chung của vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, dù việc mâu thuẫn chỉ phát sinh giữa chị Tr và bố, mẹ anh L tuy nhiên khi xảy ra mâu thuẫn, chị Tr đã chủ động chia sẻ để mong nhận được sự đồng cảm và cùng anh L tìm cách giải quyết thì anh L lại im lặng và lựa chọn đi làm ăn tại Miền Nam để trốn tránh, bỏ mặc chị Tr ở nhà nuôi con và tự xử lý vấn đề giữa chị và bố, mẹ anh dẫn đến việc chị Tr phải đưa con về ở cùng với bà nội của chị. Sau khi chị Tr không còn sống cùng nhà với bố, mẹ anh L nhưng vợ chồng cũng không tích cực hàn gắn tình cảm và sống ly thân từ đó đến nay đã 7 tháng. Chị Tr xin ly hôn, tuy anh L trình bày không muốn ly hôn nhưng anh cũng không tích cực tìm cách để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng đồng thời đưa ra điều kiện nếu chị Tr đồng ý để anh được nuôi cả hai con thì anh mới đồng ý. Điều đó cho thấy việc anh L không đồng ý ly hôn với chị Tr không hoàn toàn do anh L muốn níu kéo tình cảm để hàn gắn hạnh phúc với chị Tr mà chỉ làm sâu sắc thêm tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, gây khó khăn cho chị Tr trong việc giải quyết yêu cầu của chị. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở cho rằng mâu thuẫn giữa chị Tr và anh L đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tr với anh Đàm Văn L.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Đàm Văn L có hai con chung là cháu Đàm Trung H, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Đàm Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22/4/2020. Chị Tr có nguyện vọng được nuôi cháu Linh Đ còn anh L có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung và không đề nghị về cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị Tr và anh L sống ly thân, cháu Đàm Trung H sống cùng với anh L và gia đình bên nội, cháu Đàm Ngọc Linh Đ sống cùng với chị Tr. Bản thân chị Tr và anh L cùng có chỗ ở ổn định, đều đang có

công việc và có thu nhập đảm bảo cuộc sống cũng như nuôi con. Xét nguyện vọng được nuôi con của anh L và chị Tr đều chính đáng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định đối với các con của anh, chị tránh sự xáo trộn không cần thiết đối với các cháu đồng thời chia sẻ trách nhiệm nuôi con của anh, chị đối với các con, Hội đồng xét xử quyết định giao cho anh, chị mỗi người được nuôi một con là phù hợp. Do cháu Đàm Ngọc Linh Đ còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đàm Ngọc Linh Đ cho chị Tr nuôi, giao cháu Đàm Trung H cho anh L nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4]. Về tài sản, nợ chung, công sức với gia đình: Chị Tr và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Đàm Văn L.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Đàm Văn L có 02 con chung là cháu Đàm Trung H, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Đàm Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22/4/2020. Giao cháu Đàm Ngọc Linh Đ cho chị Nguyễn Thị Tr nuôi, giao cháu Đàm Trung H cho anh Đàm Văn L nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị Tr và anh Đàm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung, công sức với gia đình: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Đàm Văn L đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002899 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đàm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- UBND xã TM, huyện ĐP, TP Hà Nội (Số 09/2014 ngày 28/02/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hà